

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 7 – 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út

2. Ông Nguyễn Văn Thơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị S, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh S, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Danh S tự nguyện kết hôn năm 2000, đến năm 2012 thì có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, anh S không quan tâm đến gia đình, bỏ mặc vợ con nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị cũng đã tạo điều kiện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, chị và anh Danh S không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh S.

Về con chung: Chị và anh Danh S có 02 con chung là Danh H (giới tính: nam), sinh ngày 10/5/2000 và Thị N (giới tính: nữ), sinh ngày 08/7/2003. Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Chị Thị S và anh Danh S tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu giải quyết ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Danh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Thị S và anh Danh S tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Danh S.

Chị Thị S xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, hiện tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Thị S và anh Danh S thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng chị Thị S và anh Danh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị S; cho ly hôn giữa chị Thị S và anh Danh S.

[4]. Về con chung: Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, chị Thị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị S xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị S và anh Danh S.
2. Về con chung: Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng, chị Thị S không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị S xác định không có, không yêu

cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Thị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006176 lập ngày 21/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thừa